

(Theo mẫu tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

NĂM 2016



Hải phòng, tháng 03 năm 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200453688
- Vốn điều lệ: 455.571.420.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 455.571.420.000 đồng
- Địa chỉ: Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
- Số điện thoại: 031.3836705
- Số fax: 031.3836104
- Website: www.viconship.com
- Mã cổ phiếu: VSC

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty là Công ty Container Việt Nam, chính thức thành lập ngày 27 tháng 7 năm 1985 theo quyết định số 1310/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Số vốn ban đầu được Nhà nước giao tại thời điểm thành lập là 7,2 triệu đồng.

Các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty ngay từ khi thành lập là: Cung cấp các dịch vụ về đại lý tàu biển, đại lý giao nhận cho các hãng tàu Container nước ngoài, bốc xếp, vận chuyển container, khai thác kho bãi... Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam tổ chức các hoạt động dịch vụ vận tải bằng container. Với phương châm tự tích lũy để phát triển, chuyển đổi phù hợp với nền kinh tế thị trường, Công ty đã trưởng thành về mọi mặt, quy mô sản xuất tăng đáng kể.

Năm 2002, Công ty tiến hành cổ phần hóa toàn bộ doanh nghiệp với tên gọi Công ty Cổ phần Container Phía Bắc theo quyết định số 183/TTG ngày 04 tháng 03 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Tháng 6 năm 2002, đổi tên thành Công ty Cổ phần Container Việt Nam.

Ngày 12/12/2007, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định Niêm yết số 172/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship) niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Tp HCM. Ngày 09/01/2008 cổ phiếu Viconship đã chính thức giao dịch với mã chứng khoán VSC và là công ty thứ 139 niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán T.P Hồ Chí Minh.

- Các sự kiện khác:

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2002, được sửa đổi bổ sung lần thứ 18 vào ngày 27 tháng 06 năm 2016 với mã số doanh nghiệp : 0200453688.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Khai thác cảng biển
 - + Khai thác kho bãi
 - + Vận tải bộ
- Địa bàn kinh doanh:

Công ty hoạt động kinh doanh trên các địa bàn: Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Tp Hồ Chí Minh. Trong đó, địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng doanh thu lớn là khu vực Hải Phòng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

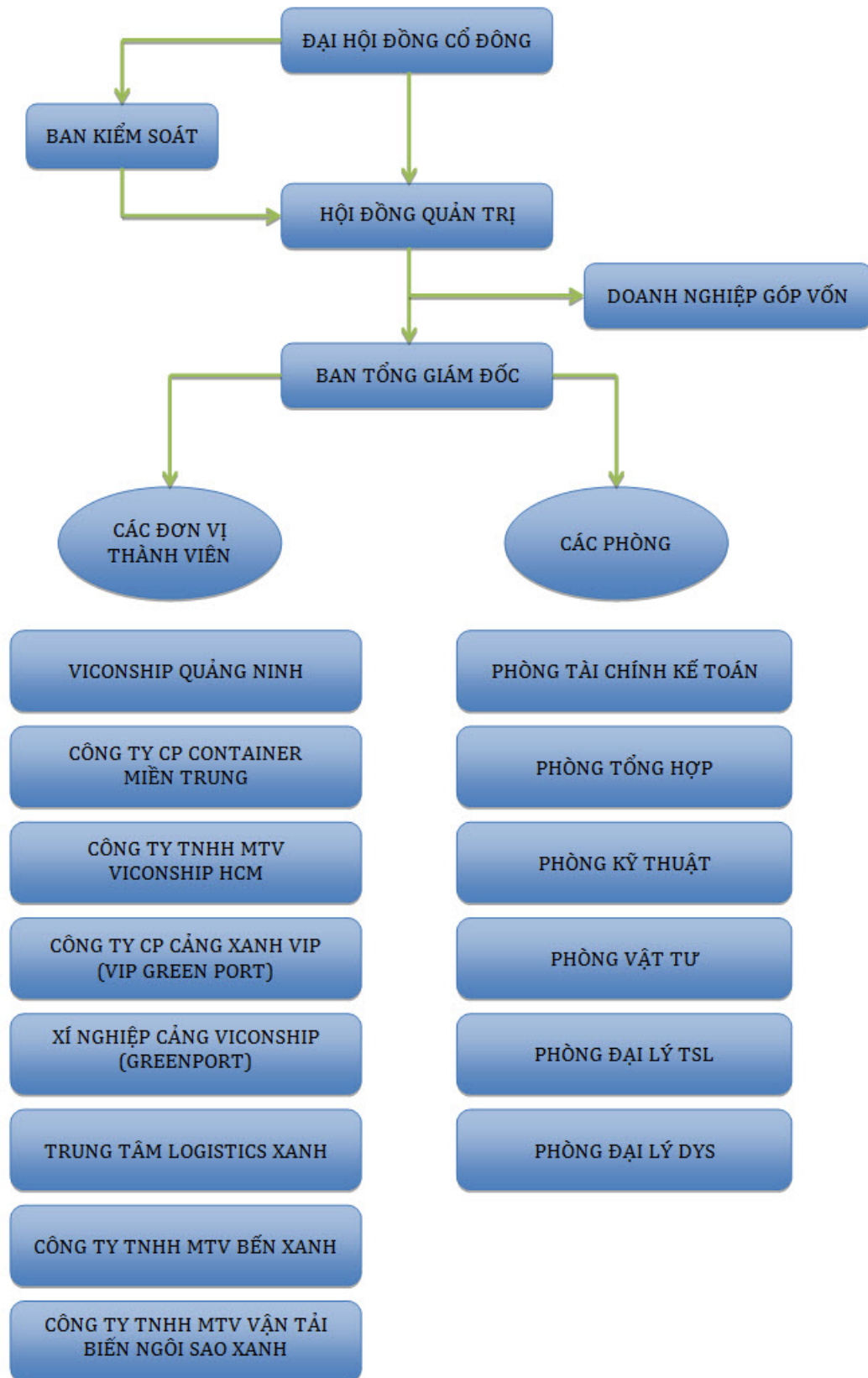
– Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị; Các doanh nghiệp Viconship góp vốn; Ban Tổng giám đốc; Các đơn vị thành viên và các phòng ban chức năng.

– Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Container Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần container Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Container Việt Nam đã xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, định hướng hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và phụ thuộc trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam.



– Các công ty con, công ty liên kết:

<i>Tên Doanh nghiệp</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Lĩnh vực KD chính</i>	<i>Vốn góp của Công ty</i>	<i>Chiếm tỷ lệ</i>
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	Số 5 Võ Thị Sáu – Hải Phòng	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	15.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Viconship Việt Nam	Số 2F Đường 4F Cư xá Ngân hàng – Tân Thuận – Q7 – TP HCM	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	6.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Bến Xanh	Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải – TP Hải Phòng.	Công ty con	Bốc xếp, kho bãi	25.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải – TP Hải Phòng.	Công ty con	Bốc xếp, kho bãi	90.000.000.000	100%
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Số 75 Quang Trung – TP Đà Nẵng	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	19.825.000.000	65%
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải – TP Hải Phòng.	Công ty con	Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi	427.500.000.000	74%
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Yết Kiêu – Phường Thọ Quang – Sơn Trà – Đà Nẵng	Công ty liên kết	Kho bãi	12.635.002.950	31%
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	KCN Đình Vũ – Hải An – TP Hải Phòng	Công ty liên kết	Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi	92.009.313.522	22%

4. Định hướng phát triển

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách hàng. Đảm bảo việc phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và phấn đấu trở thành một công ty logistics mang tầm cỡ quốc tế.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là xem xét nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng là phần gắn liền với hệ thống quản lý và văn hóa của doanh nghiệp.

5. Các rủi ro:

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn khó khăn và biến động bất thường. Thị trường vận tải biển không ổn định, các hãng tàu lớn kinh doanh gặp nhiều khó khăn, thậm chí phá sản (Hãng tàu Hanjin Hàn Quốc). Sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt. Các yếu tố kể trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2016 là năm có nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề, thị trường vận tải biển tiếp tục bất ổn, đặc biệt là sự phá sản của Hãng tàu Hanjin Hàn Quốc; tuy nhiên với sự chỉ đạo và chiến lược phát triển đúng đắn của HĐQT, Ban điều hành Công ty vẫn tiếp tục duy trì được nhịp độ tăng trưởng, phát triển bền vững và đạt được những kết quả rất khả quan trong sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thuần đạt 1.082,17 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 311,22 tỷ đồng.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 4.967 đồng.

Hoạt động khai thác cảng biển vẫn là hoạt động chính chiếm tỷ trọng lớn về doanh thu và lợi nhuận.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ	Năm 2016	Năm 2015	Tỷ lệ
Tổng doanh thu	1.082,17	1.015	106,62 %	1.082,17	927,82	116,64 %
Lợi nhuận trước thuế	311,22	262	118,79 %	311,22	346,13	89,91 %

Tổng doanh thu thuần đạt 1.082,17 tỷ đồng, tăng 16,64% so với thực hiện năm 2015, tăng 6,62% so với kế hoạch năm 2016.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 311,22 tỷ đồng, bằng 89,91% so với thực hiện năm 2015, tăng 18,79% so với kế hoạch năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc	0,12% Vốn điều lệ
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc tài chính/Kế toán trưởng	0,23% Vốn điều lệ
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật	0,02% Vốn điều lệ

Tóm tắt lý lịch:

Ông Nguyễn Văn Tiến – Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 19/11/1969

Nơi sinh: Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Số CMND: 030969378

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 20/8B Cù Chính Lan, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: (031) 3 836705

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Lợi ích liên quan với Công ty: Không.

Ông Trần Xuân Bạo – Ủy viên HĐQT – Giám đốc tài chính – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 25/10/1963

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030556364

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Cỏ Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số nhà 15 An Đà, Lê Chân, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: (031) 3 836705

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế.

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

Ông Nguyễn Thế Trọng – Ủy viên HĐQT – Giám đốc kỹ thuật

Ngày sinh: 01/11/1978

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030980816

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Cộng Hoà, Yên Hưng, Quảng Ninh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 51/333 Văn Cao, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: (031) 3 836705

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, cử nhân quản trị doanh nghiệp.

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

– Những thay đổi trong Ban điều hành: không

– Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty là: 982 người.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư 19 đầu kéo và 18 moóc chuyên dùng vận chuyển container, xe nâng hạ container và một số thiết bị khác với tổng giá trị: 40,12 tỷ đồng.

- Nạo vét thủy điện và biên lòng vào cảng Greenport, xây dựng kho mới số 3, nâng cấp bãi, xây dựng công vào 4 lần xe tại GLC và các công trình khác: 21,91 tỷ đồng.

- Hoàn thiện dự án đầu tư xây dựng cảng container Vip Green Port, trong đó phần xây lắp: 146,69 tỷ đồng, phần thiết bị: 301,02 tỷ đồng, duy tu nạo vét khu vực đậu tàu và vùng quay trở trước bên: 6,03 tỷ đồng.

- Nhận chuyển nhượng cổ phần của Vipco tại Công ty CP Cảng Xanh VIP: 183,6 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

*** Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh**

- Mối quan hệ: Công ty con

- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa.

- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 201 như sau:

+ Doanh thu: 91,35 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 14,65 tỷ đồng

*** Công ty Cổ phần Container Miền Trung**

- Môi quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi.
- Tình hình tài chính:
 - Kết quả kinh doanh năm 2016 như sau:
 - + Doanh thu: 120,12 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 12,03 tỷ đồng

*** Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh**

- Môi quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa.
- Tình hình tài chính:
 - Kết quả kinh doanh năm 2016 như sau:
 - + Doanh thu: 23,19 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 0,75 tỷ đồng

*** Công ty TNHH MTV Bến Xanh**

- Môi quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: khai thác kho bãi, bốc xếp hàng hóa, sửa chữa container.
- Tình hình tài chính:
 - Kết quả kinh doanh năm 2016 như sau:
 - + Doanh thu: 62,63 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 12,30 tỷ đồng

*** Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh**

- Môi quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: Kinh doanh kho bãi, bốc xếp hàng hóa.
- Tình hình tài chính:
 - Kết quả kinh doanh năm 2016 như sau:
 - + Doanh thu: 140,64 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 38,06 tỷ đồng

*** Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

- Môi quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: khai thác cảng biển, bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi
- Tình hình tài chính:
 - Kết quả kinh doanh năm 2016 như sau:
 - + Doanh thu: 335,09 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 28,64 tỷ đồng

*** Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng**

- Môi quan hệ: Công ty liên kết
- Lĩnh vực hoạt động chính: khai thác kho, bãi

*** Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ**

- Môi quan hệ: Công ty liên kết
- Lĩnh vực hoạt động chính: bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.224.012.209.300	2.397.437.897.419	7,8%
Doanh thu thuần	927.822.760.012	1.082.173.951.147	16,64%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	344.111.732.008	310.647.924.171	-9,72%
Lợi nhuận khác	2.015.911.027	572.751.740	-71,59%
Lợi nhuận trước thuế	346.127.643.035	311.220.675.911	-10,08%
Lợi nhuận sau thuế	276.689.447.356	261.998.329.949	-5,31%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	30%	

- Các chỉ tiêu khác

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	1,56 lần	2,04 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	1,54 lần	2,01 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	35,65%	36,79%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	62,79%	58,20%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán</i>	64,43 lần	71,41 lần	

<i>Hàng tồn kho bình quân</i>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản :	41,72%	45,14%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	29,82%	24,21%	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	21,91%	17,29%	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	12,44%	10,93%	
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	37,09%	28,71%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu: 45.557.142 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 45.557.142 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyên nhượng tự do: 45.494.142 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyên nhượng: 63.000 cổ phiếu (đây là số cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2012)

b) Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP nắm giữ
1	Tổ chức	64,20	29.249.667
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	48,25	21.979.885
	Tổ chức Việt nam	15,95	7.269.782
	Cá nhân	35,80	16.307.475
2	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	0,75	340.940
	Cá nhân Việt nam	35,05	15.966.535
	Trong nước	51,00	23.236.317
	<i>Trong đó:</i>		
3	Tổ chức trong nước	15,95	7.269.782
	Cá nhân trong nước	35,05	15.966.535
	Nước ngoài	49,00	22.320.825
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	48,25	21.979.885
3	Cá nhân nước ngoài	0,75	340.940
	Phân loại khác		
3	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên	25,67	11.692.264

Cổ đông Nhà nước	0	0
Cổ phiếu quỹ	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tháng 6 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông hiện hữu. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là: 4.141.000 cổ phiếu, nâng vốn góp của chủ sở hữu Công ty từ: 414.160.420.000 đồng lên thành: 455.571.420.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là: 0 cổ phiếu.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất kinh doanh của Công ty là: 50,04 tỷ đồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 35,03 tỷ

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Công ty không tiêu thụ nước cho các hoạt động kinh doanh. Nước tiêu thụ là nước phục vụ cho sinh hoạt văn phòng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm của Công ty là: 982 người. Thu nhập bình quân: 12.737.816 đồng / người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các

khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội... Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn và đáp ứng được sự phát triển của Công ty. Trong năm 2016 Công ty đã đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo các nội dung:

- Quản lý: 8 người được cử đi học trong nước và nước ngoài.
 - Chuyên môn nghiệp vụ: 88 người được cử đi học trong nước và nước ngoài.
 - Ngoại ngữ: 104 người.
 - Huấn luyện định kỳ: 778 người.
 - Đào tạo nghề 2: 241 người.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp.

Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Công ty tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, xây nhà tình nghĩa, phụng dưỡng Mẹ Việt nam anh hùng neo đơn.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty đang có những định hướng và áp dụng để phát triển hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Năm 2016 là năm có nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề; thị trường vận tải biển tiếp tục bất ổn, đã có những Hãng tàu phải tuyên bố phá sản (Hanjin), vận chuyển đường bộ bằng ô tô kém hiệu quả và có nhiều biến động cả về hàng hóa và lái xe container, khu vực phía Bắc tình hình hàng hóa qua biên giới Việt – Trung giảm 75%, song HĐQT, Ban TGD Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ cả về công tác làm thị trường; quản lý và đầu tư mở rộng sản xuất cũng như sắp xếp lại tổ chức cho phù hợp với tình hình thực tế và vùng miền. Các mảng kinh doanh chính của Công ty được Ban TGD Công ty đặc biệt quan tâm và mở rộng được thị phần. Trong năm Công ty đã có thêm các Khách hàng mới và đóng góp vào sự tăng doanh thu cũng như có được lợi nhuận như trong báo cáo. Nhìn tổng quan kết quả đã đạt được là rất đáng khích lệ và tiếp tục đánh dấu bước phát triển của Công ty theo đúng văn hóa doanh nghiệp.

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu, chi của Công ty và thực hiện đầy đủ chế độ nghĩa vụ nộp thuế/ ngân sách cho Nhà nước.

Công tác tiếp thị làm thị trường được Ban TGD Công ty đặc biệt quan tâm và trực tiếp thực hiện các mảng dịch vụ chính của Công ty. Chiến lược làm thị trường trong toàn Công ty được kiên định “giữ vững Khách hàng hiện tại và mời thêm Khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Công ty”. Trong năm 2016 các mảng dịch vụ chính của Công ty như: cảng biển, kho bãi, đại lý, vận tải bộ đều có thêm Khách hàng mới.

Công ty tiếp tục phát triển với tốc độ ổn định về quy mô, hiệu quả kinh doanh cao, doanh thu và lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 đạt 4.967 đồng. Thương hiệu của Công ty ngày càng được nhiều khách hàng/ các tổ chức trong nước và quốc tế biết đến, quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài ngày càng mở rộng. Người lao động được đảm bảo việc làm và có thu nhập cao. Công tác an sinh - xã hội, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt.

Tổng doanh thu thuần đạt 1.082,17 tỷ đồng, tăng 16,64% so với thực hiện năm 2015, tăng 6,62% so với kế hoạch năm 2016.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 311,22 tỷ đồng, bằng 89,91% so với thực hiện năm 2015, tăng 18,79% so với kế hoạch năm 2016.

– Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Năm 2016, Công ty tiếp tục giữ vững được quá trình tăng trưởng và phát triển. Việc đầu tư xây dựng thêm cảng container quốc tế VIP GREEN PORT với năng lực hoạt động cao, quy mô hiện đại một cách hiệu quả đã nâng thương hiệu của Công ty lên tầm cao mới trên thị trường trong nước và quốc tế.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đầu kỳ 2.224,01 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 585,88 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 1.638,14 tỷ đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ 2.397,44 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 605,01 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 1.792,43 tỷ đồng.

Trong năm Công ty đã đầu tư, đưa vào sử dụng các máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng đặc biệt là hoàn thành dự án đầu tư xây dựng cảng container Vip Green Port. Tài sản đầu tư thêm đã mang lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Không có nợ phải thu xấu. Các khoản nợ phải thu luôn được tích cực thu hồi sớm, tránh triệt để trường hợp khách hàng nợ đọng kéo dài.

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả đầu kỳ là 792,84 tỷ đồng, cuối kỳ là: 881,95 tỷ đồng. Nợ phải trả chủ yếu là khoản vay ngân hàng Vietcombank Hải Phòng để đầu tư xây dựng dự án cảng container Vip Green Port.

– Hiện tại Công ty không có nợ phải trả xấu. Chênh lệch của tỉ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Củng cố mô hình tổ chức tại Hồ Chí Minh cho phù hợp với tình hình kinh doanh. Hoàn thiện mô hình tổ chức cũng như nhân sự các Công ty thành viên.

Bổ sung, điều chuyển lao động giữa các đơn vị phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, quản trị tài chính, quản trị các chi phí theo đúng các quy định hiện hành cũng như mới ban hành.

Các quy trình quản lý, sản xuất được rà soát, sửa đổi và làm mới phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Các Công ty/ đơn vị thành viên chủ động làm mới các quy trình phù hợp với đơn vị.

Nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh chuyên nghiệp của CBCNV và tăng năng suất lao động.

Tổ chức thi thợ giỏi, khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất (trong năm có 68 sáng kiến cải tiến được đưa vào áp dụng và tiết kiệm hàng tỷ đồng, Công ty đã tổng kết, đánh giá và xét khen thưởng kịp thời).

Ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ cho Khách hàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động sản xuất chính của Công ty ổn định trên ba miền Bắc – Trung - Nam.

Kiên định với chiến lược tiếp thị và làm thị trường “giữ vững các khách hàng hiện tại và mời thêm khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Công ty trên toàn quốc Bắc – Trung – Nam”.

Tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, lựa chọn hạng mục đầu tư/ nâng cấp cơ sở hạ tầng để phát triển sản xuất cho năm 2017 và các năm tiếp theo theo đúng văn hóa Công ty.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tinh chuyên nghiệp của CBCNV, đào tạo nguồn nhân lực với tầm nhìn dài hạn, liên tục khuyến khích người lao động học ngoại ngữ và học nghề hai.

Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng năng suất lao động.

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành cũng như cung cấp dịch vụ.

Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

Rà soát lao động và điều chuyển cho hợp lý, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các đơn vị thành viên và các Công ty liên danh, liên kết mà Viconship nắm phần vốn chi phối.

Quản lý tốt các chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, tỷ lệ cổ tức đạt từ 20% đến 25% và có tích lũy cần thiết để đầu tư và mở rộng sản xuất.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên hàng đầu trong việc phát triển bền vững Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty cổ phần container Việt Nam coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn. Hoàn thành tốt việc nâng bậc lương trong năm theo đúng quy định.

Người lao động đảm bảo có việc làm và thu nhập ổn định

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, xây nhà tình nghĩa, phụng dưỡng Mẹ Việt nam anh hùng neo đơn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

Năm 2016, tổng thể tình hình kinh tế thế giới đang mất đà tăng trưởng. Các yếu tố làm giảm kinh tế toàn cầu bao gồm: tổng cầu yếu, vốn tồn lâu trong các ngành kinh tế chính gây hạn chế cho tăng trưởng toàn cầu, giá dầu và các hàng hóa khác giảm làm thiệt hại cho các nước xuất khẩu, những cú sốc nghiêm trọng liên quan đến thời tiết, đặc biệt là hạn hán do El Nino, những thách thức chính trị, và luồng vốn lớn của các nước đang phát triển đổ sang các khu vực khác trên thế giới. Các rủi ro sụt giá cả hàng hóa trong nền kinh tế toàn cầu, đầu tư thấp, giá cả hàng hóa thấp và rối loạn trong thị trường tài chính. Áp lực lạm phát toàn cầu góp phần đẩy nhanh việc thắt chặt tiền tệ ở một số nước đang phát triển.

Trong nước, Năm 2016 kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều biến động. Tốc độ tăng trưởng GDP không đạt chỉ tiêu đề ra và thấp hơn so với năm 2015 (6,21% so với 6,86%); ngành nông – lâm – thủy sản gặp khó vì thiên tai, hạn hán; ngành khai khoáng giảm sâu tác động mạnh đến mức tăng trưởng chung...

Một số điểm chính kinh tế trong nước năm 2016 là: sự sụt giảm sâu của công nghiệp khai khoáng; nhóm ngành nông – lâm – thủy sản chịu tác động mạnh mẽ bởi các yếu tố về môi trường với 6 tháng đầu năm tăng trưởng âm; Sản xuất công nghiệp thấp hơn 2 năm trở lại đây; Doanh nghiệp thành lập mới tăng kỷ lục: Tính chung cả năm 2016, số doanh nghiệp thành lập mới đạt mức kỷ lục với 110,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,2% so với năm 2015 tạo ra sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt.

Tình hình thị trường vận tải container đường biển/ bộ tiếp tục khó khăn, một số hãng tàu phải bán hoặc tuyên bố phá sản. Các hãng tàu tìm mọi biện pháp để tồn tại, trong đó có việc cắt giảm chi phí và liên quan trực tiếp đến giá dịch vụ những mảng kinh doanh chính Công ty đang cung cấp.

Một số chi phí sản xuất tăng như giá điện, tiền lương, ... Sự cạnh tranh ngày một khốc liệt của các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề, đặc biệt là dịch vụ cảng, kho, bãi, vận tải, ... dẫn đến giá các dịch vụ cảng biển, kho, bãi, vận tải bộ giảm.

Người lao động được đảm bảo việc làm và có thu nhập cao. Trách nhiệm môi trường được trọng thực hiện. Công tác an sinh - xã hội, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt. Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, và phúc lợi xã hội.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thị trường, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh hết sức khả quan, Công ty ngày càng tăng trưởng ổn định, bền vững.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng Công ty theo sát tình hình thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động sản xuất chính ổn định; đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu. Lựa chọn hạng mục đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai, từng bước đưa Công ty trở thành Công ty kinh doanh Logistics mang tầm cỡ quốc tế.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các cty khác
1	Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch	1,53 %	Thành viên độc lập	0
2	Ông Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên	0,12%	Thành viên điều hành	0
3	Ông Trần Xuân Bảo	Ủy viên	0,23%	Thành viên điều hành	0
4	Bà Hoàng Thị Hà	Ủy viên	0,36%	Thành viên điều hành	0
5	Ông Nguyễn Thế Trọng	Ủy viên	0,02%	Thành viên điều hành	0
6	Ông Nguyễn Việt Trung	Ủy viên	0,01%	Thành viên điều hành	0
7	Ông Nghiêm Tuấn Anh	Ủy viên	0,01%	Thành viên điều hành	0
8	Ông Hoàng Trọng Giang	Ủy viên	0,30%	Thành viên độc lập	0
9	Ông Hoàng Tiến Lục	Ủy viên	0,07%	Thành viên điều hành	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ông Lê Thế Trung là thư ký HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới. HĐQT Công ty có 09 thành viên, nhiệm kỳ hiện tại của từng thành viên là 05 năm từ 2015 – 2019. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trước bối cảnh tình hình thế giới 2016 tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm so với dự báo. Ngành vận tải biển tiếp tục gặp nhiều khó khăn do dư thừa về công suất, kết quả tài chính của ngành vận tải biển tụt dốc mạnh, thấp hơn nhiều so với dự kiến, đã ảnh hưởng không nhỏ đến các đơn vị kinh doanh cảng, kho bãi. Áp lực cạnh tranh giữa các cảng, kho bãi, vận tải ngày càng gay gắt, quyết liệt với nhiều hình thức khác nhau.

Đánh giá đúng tình hình, HĐQT cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty đã đoàn kết, tập trung trí tuệ, đề ra những chủ trương chính sách sát với thực tiễn, chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty thông qua.

Trong năm 2016, HĐQT Công ty tổ chức nhiều cuộc họp thường kỳ trực tiếp hoặc bằng hình thức qua thư điện tử để đề ra các quyết định quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo tuân thủ định hướng của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Năm 2016 HĐQT Công ty đã có những cuộc họp quan trọng, chi tiết như sau:

TT	Số, ngày Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
1	01/2016/NQ- HĐQT ngày 24/03/2016	<p>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của toàn Công ty. Cho ý kiến chỉ đạo về các biện pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016.</p> <p>Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Container Việt Nam năm 2016.</p>
2	02/2016/NQ- HĐQT ngày 22/04/2016	<p>Thông nhất triển khai một số nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 ngày 25/03/2016 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2015: 10% mệnh giá cổ phiếu (1.000 đồng/ cổ phiếu). - Thông qua hồ sơ báo cáo UBCK Nhà nước thực hiện phương án phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức cho Cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện là 10% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 10 cổ phiếu mới) theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua. - Nhận chuyển nhượng 13.500.000 cổ phần Cảng Xanh VIP của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng); Giá nhận chuyển nhượng 13.600 đồng/CP.
3	03/2016/NQ- HĐQT ngày 08/06/2016	<p>Thông nhất triển khai một số nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 ngày 25/03/2016 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc triển khai các thủ tục cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 theo nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 ngày 25/03/2016. Sau khi phát hành cổ phiếu, sẽ tiến hành thực hiện đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, sửa đổi điều lệ và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty theo mức vốn điều lệ mới.

		<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam là đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 cho Công ty Cổ phần Container Việt Nam. Giao cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện việc đàm phán, ký kết Hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định hiện hành. - Chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Ngôi sao xanh tương lai cho MSC Singapore. - Góp vốn thành lập Công ty TNHH Tuyển Container TS Hà Nội với đối tác nước ngoài, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Vốn Điều lệ dự kiến: 6,7 tỷ đồng, trong đó VSC góp 30% Vốn điều lệ. - Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý giao nhận vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu.
4	<p>04/2016/NQ-HĐQT ngày 01/08/2016</p>	<p>Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu: 503,12 tỷ đồng - Lợi nhuận trước thuế: 151,70 tỷ đồng. <p>Đặt mục tiêu hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông Công ty giao từ 8% trở lên.</p> <p>Triển khai đầu tư xây dựng 2.300 m² kho khai thác hàng CFS tại Greenport.</p> <p>Thống nhất tìm, thuê/mua khoảng 8ha đất tại khu vực Đình Vũ để làm depot.</p> <p>Giao cho Giám đốc Green Depot tổ chức đào tạo, nâng cao chất lượng dịch vụ sửa chữa, hình thành thêm mảng dịch vụ sửa chữa thiết bị cảng biển đáp ứng tốt nhu cầu phát triển hiện tại.</p> <p>Củng cố lại Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh (Viconship HCM) bằng việc bổ nhiệm Giám đốc mới. Phần đầu năm 2016 Viconship HCM sẽ không có lỗ trên cơ sở làm đại lý cho hãng ASL từ tháng 8/2016, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan để làm hàng door to door một cách hiệu quả.</p>
5	<p>05/2016/NQ-HĐQT ngày 29/09/2016</p>	<p>Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền cho các cổ đông, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ tạm ứng cổ tức: 10% mệnh giá cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng). - Thời gian thực hiện: trong quý 4 năm 2016. - Giao cho Tổng giám đốc công ty chỉ đạo hoàn tất các thủ tục cần thiết, thực hiện việc chi trả (tạm ứng) cổ tức theo đúng quy định hiện hành.

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT không điều hành vẫn duy trì chế độ họp thường kỳ cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

Thư ký HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các thành viên HĐQT đều có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty hiện tại gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng ban	0,17%
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Ủy viên	0,01%
Bà Nguyễn Thị Yên Hà	Ủy viên	

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các qui chế, qui trình, các nghị quyết, quyết định.

Ban Kiểm soát Công ty họp 2 lần trong năm với các nội dung chính:

- Theo dõi tình hình qua các nghị quyết, quyết định, kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, quy trình nghiệp vụ của Công ty và các đơn vị thành viên.
- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo qui định của pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, người quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Tham gia một số cuộc họp của Hội đồng quản trị về kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính của công ty, báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán.

Trong năm 2016, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Công ty chi tiền thưởng, thù lao theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2016 Công ty đã chi tiền thưởng, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và thư ký như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2019	290.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2019	260.000.000
3	Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2019	237.000.000
4	Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2019	237.000.000
5	Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2019	237.000.000
6	Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2019	237.000.000
7	Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2019	237.000.000
8	Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2019	237.000.000
9	Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2019	237.000.000
10	Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng BKS nhiệm kỳ 2015 – 2019	125.000.000
11	Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 – 2019	125.000.000
12	Bà Nguyễn Thị Yên Hà	Thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 – 2019	125.000.000
13	Ông Lê Thế Trung	Thư ký HĐQT	125.000.000
Tổng cộng			2.709.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2016 như sau:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hoàng Trọng Giang	Thành viên HĐQT	137.692	0,3%	37.692	0,08%	Lý do cá nhân

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 2 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-130-HN

Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 2 năm 2017

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		605.005.169.022	585.876.092.207
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	331.452.487.098	332.397.641.629
Tiền	111		86.933.677.314	76.505.141.629
Các khoản tương đương tiền	112		244.518.809.784	255.892.500.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.327.019.444	78.525.947.673
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	32.327.019.444	78.525.947.673
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		130.269.427.359	92.980.974.388
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	112.860.391.893	81.639.368.446
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.230.265.391	4.145.522.828
Phải thu ngắn hạn khác	136		12.128.332.446	8.229.320.448
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(949.562.371)	(1.033.237.334)
Hàng tồn kho	140	8	9.263.495.588	9.960.417.201
Hàng tồn kho	141		9.263.495.588	9.960.417.201
Tài sản ngắn hạn khác	150		101.692.739.533	72.011.111.316
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.356.051.516	1.183.023.513
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(a)	97.283.589.769	70.824.298.690
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		53.098.248	3.789.113
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.792.432.728.397	1.638.136.117.093
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	291.066.000
Phải thu dài hạn khác	216		-	291.066.000
Tài sản cố định	220		1.215.129.401.911	958.833.168.642
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.204.039.352.619	944.620.839.203
Nguyên giá	222		1.766.478.000.182	1.356.793.052.719
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(562.438.647.563)	(412.172.213.516)
Tài sản cố định vô hình	227	10	11.090.049.292	14.212.329.439
Nguyên giá	228		14.281.802.663	15.842.344.742
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.191.753.371)	(1.630.015.303)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.150.787.591	82.695.831.636
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	11.150.787.591	82.695.831.636

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250		104.799.316.472	108.889.668.002
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	104.644.316.472	108.579.668.002
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	155.000.000	310.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		461.353.222.423	487.426.382.813
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	461.353.222.423	487.426.382.813
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.397.437.897.419	2.224.012.209.300
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		881.947.253.829	792.839.839.659
Nợ ngắn hạn	310		296.567.008.267	374.986.497.931
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	62.612.059.106	204.302.875.593
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.454.857.421	1.095.259.374
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	18.811.034.169	19.115.320.125
Phải trả người lao động	314		41.470.024.939	42.102.442.516
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		14.010.125.062	736.697.174
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	60.549.832.296	62.125.462.890
Vay ngắn hạn	320	16(a)	57.689.480.000	7.012.140.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	3.982.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	39.969.595.274	34.514.300.259
Nợ dài hạn	330		585.380.245.562	417.853.341.728
Phải trả dài hạn khác	337		40.000.000	276.500.000
Vay dài hạn	338	16(b)	585.340.245.562	417.576.841.728
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.515.490.643.590	1.431.172.369.641
Vốn chủ sở hữu	410	18	1.515.490.643.590	1.431.172.369.641
Vốn cổ phần	411	19	455.571.420.000	414.160.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		455.571.420.000	414.160.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	18	36.141.891.246	36.141.891.246
Cổ phiếu quỹ	415	18	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	598.595.119.872	537.563.930.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	258.295.915.770	274.832.862.734
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.095.759.134	37.500.472.767
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		205.200.156.636	237.332.389.967
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	18	166.886.296.702	168.473.265.389
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.397.437.897.419	2.224.012.209.300

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	1.082.173.951.147	927.822.760.012
Giá vốn hàng bán	11		686.343.563.988	557.307.986.061
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		395.830.387.159	370.514.773.951
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	17.455.543.632	14.460.099.360
Chi phí tài chính	22	25	43.812.651.138	1.659.116.790
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>43.511.499.423</i>	<i>913.027.313</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		5.681.295.542	10.040.909.479
Chi phí bán hàng	25		11.067.480.588	8.068.991.481
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		53.439.170.436	41.175.942.511
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		310.647.924.171	344.111.732.008
Thu nhập khác	31	26	836.659.256	4.559.829.591
Chi phí khác	32	27	263.907.516	2.543.918.564
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		572.751.740	2.015.911.027
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		311.220.675.911	346.127.643.035
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	49.222.345.962	69.438.195.679
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		261.998.329.949	276.689.447.356
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		251.282.298.636	279.258.328.386
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		10.716.031.313	(2.568.881.030)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.967	Đã điều chỉnh lại 5.535

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	311.220.675.911	346.127.643.035
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	177.443.635.734	89.728.845.499
Các khoản dự phòng	03	(4.065.674.963)	(23.697.920)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(197.188.468)	(205.827.859)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(21.074.229.542)	(23.914.965.607)
Chi phí lãi vay	06	43.511.499.423	913.027.313
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	506.838.718.095	412.625.024.461
Biến động các khoản phải thu	09	(36.829.401.258)	18.953.150.761
Biến động hàng tồn kho	10	696.921.613	(2.621.985.121)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(51.217.688.395)	(18.123.549.782)
Biến động chi phí trả trước	12	621.191.065	9.087.816.760
		420.109.741.120	419.920.457.079
Tiền lãi vay đã trả	14	(32.107.383.407)	(989.541.530)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(50.141.331.188)	(72.398.180.449)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	4.368.070.782
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.348.576.985)	(30.794.302.379)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	313.512.449.540	320.106.503.503
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(456.694.448.384)	(589.924.420.365)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	469.806.865	22.123.993.416
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(26.420.227.673)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	46.198.928.229	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(183.600.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	128.221.716.000	187.649.600
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	21.473.058.207	14.436.309.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(443.930.939.083)	(579.596.695.230)

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Nhận tiền góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	31	-	13.557.250.000
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	-	9.306.617.716
Tiền thu từ đi vay	33	237.991.037.869	415.528.101.728
Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.550.294.035)	(3.893.101.980)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông công ty	36	(86.882.527.400)	(58.841.491.875)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36	(2.303.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	129.255.216.434	375.657.375.589
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.163.273.109)	116.167.183.862
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh 5)	60	332.397.641.629	216.024.629.908
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	218.118.578	205.827.859
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	331.452.487.098	332.397.641.629

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 6 công ty con (1/1/2016: 7 công ty con) như sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	100%	100%
Công ty Cổ phần Container Miền Trung (trước đây là Công ty TNHH Container Miền Trung)	65%	65%
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Tuyến T.S (*)	-	100%
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh	100%	100%

Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	74%	65%

(*) Ngày 18 tháng 5 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc giải thể Công ty TNHH Tuyên T.S, một công ty con của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 2 công ty liên kết (1/1/2016: 3 công ty liên kết) như sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2016	01/01/2016
Đầu tư góp vốn vào:		
• Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai (**)	-	49%
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	31%	31%
• Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	22%	22%

(**) Ngày 23 tháng 6 năm 2016, Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh, một công ty con của Công ty, đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai.

Tại 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 988 nhân viên (1/1/2019: 967 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao

gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty và các công ty con trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 25 năm
- dụng cụ văn phòng 3 – 5 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 7 năm
- phương tiện vận chuyển 3 – 10 năm

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh kho bãi và cung cấp các dịch vụ bốc xếp, vận tải container và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các công ty liên quan đề cập tới các công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	4.526.916.047	2.633.698.841
Tiền gửi ngân hàng	82.406.761.267	73.871.442.788
Các khoản tương đương tiền	244.518.809.784	255.892.500.000
	331.452.487.098	332.397.641.629

5. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	32.327.019.444	78.525.947.673

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đầu tư góp vốn vào:					
• Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai	Hải Phòng			-	3.061.716.000
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng			12.635.002.950	12.210.000.000
• Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng			92.009.313.522	93.307.952.002
				104.644.316.472	108.579.668.002

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2016 Giá gốc VND	Dự phòng	% sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2016 Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:							
• Công ty TNHH Thành phố MSC Việt Nam	Hồ Chí Minh	5%	155.000.000	-	10%	310.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam	15.326.752.893	7.963.587.548
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	6.364.125.746	5.505.268.102
Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Evergreen Việt Nam	16.148.252.766	12.997.042.673
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	4.632.933.621	3.388.406.270
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam	6.604.303.714	4.769.633.817
Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam	2.355.236.069	1.620.316.443
Các khách hàng khác	61.428.787.084	45.395.113.593
112.860.391.893		81.639.368.446

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	8.161.497.422	-	9.265.645.597	-
Công cụ và dụng cụ	168.922.000	-	149.252.590	-
Hàng hóa	933.076.166	-	545.519.014	-
	<hr/>		<hr/>	
	9.263.495.588	-	9.960.417.201	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	543.857.058.987	33.096.164.098	771.254.385.414	8.585.444.220	1.356.793.052.719
Tăng trong năm	3.115.597.444	731.220.000	229.059.643.415	6.211.442.399	239.117.903.258
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	171.803.613.515	-	-	-	171.803.613.515
Thanh lý	(346.248.472)	-	(2.728.912.917)	-	(3.075.161.389)
Phân loại lại	(19.619.746.874)	15.603.853.365	(1.429.407.273)	7.283.892.861	1.838.592.079
Số dư cuối năm	698.810.274.600	49.431.237.463	996.155.708.639	22.080.779.480	1.766.478.000.182
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	143.788.214.894	6.824.793.149	259.099.453.916	2.459.751.557	412.172.213.516
Khấu hao trong năm	46.273.765.844	5.728.854.973	99.076.737.329	2.231.594.088	153.310.952.234
Thanh lý	(346.248.472)	-	(2.728.912.917)	-	(3.075.161.389)
Phân loại lại	(22.302.600)	44.581.440	(11.911.727)	20.276.089	30.643.202
Số dư cuối năm	189.693.429.666	12.598.229.562	355.435.366.601	4.711.621.734	562.438.647.563
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	400.068.844.093	26.271.370.949	512.154.931.498	6.125.692.663	944.620.839.203
Số dư cuối năm	509.116.844.934	36.833.007.901	640.720.342.038	17.369.157.746	1.204.039.352.619

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 212.527 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 155.070 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 900.259 triệu VND (1/1/2016: 626.827 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 16(b)).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.355.027.273	10.487.317.469	15.842.344.742
Tăng trong năm	-	38.050.000	38.050.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	240.000.000	240.000.000
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.838.592.079)	(1.838.592.079)
Số dư cuối năm	5.355.027.273	8.926.775.390	14.281.802.663
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.630.015.303	1.630.015.303
Khấu hao trong năm	-	1.592.381.270	1.592.381.270
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	-	(30.643.202)	(30.643.202)
Số dư cuối năm	-	3.191.753.371	3.191.753.371
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.355.027.273	8.857.302.166	14.212.329.439
Số dư cuối năm	5.355.027.273	5.735.022.019	11.090.049.292

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	82.695.831.636	5.652.438.424
Tăng trong năm	98.862.170.338	671.732.905.994
Chi phí lãi vay vốn hóa	1.636.399.132	6.982.087.696
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(171.803.613.515)	(592.363.661.339)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(240.000.000)	(9.307.939.139)
Số dư cuối năm	11.150.787.591	82.695.831.636

Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Xây dựng nhà kho số 3 tại Xí nghiệp Cảng Viconship	5.468.142.100	-
Cầu cảng giai đoạn 2 tại Công ty CP Cảng Xanh VIP	-	77.789.588.624
Các hạng mục khác	5.682.645.491	4.906.243.012
Số dư cuối năm	11.150.787.591	82.695.831.636

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	457.776.944.610	18.813.732.622	10.835.705.581	487.426.382.813
Tăng trong năm	261.360.908	27.279.246.229	17.288.689.355	44.829.296.492
Phân bổ trong năm	(22.540.302.230)	(24.498.176.545)	(23.863.978.107)	(70.902.456.882)
Số dư cuối năm	435.498.003.288	21.594.802.306	4.260.416.829	461.353.222.423

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Người bán là các bên thứ ba		
▪ Công ty Kocks Ardel Kranbau GmbH	-	87.421.877.784
▪ Công ty Cargotec Belgium NV	-	27.897.403.100
▪ Cienco 1 - Hải Phòng	1.384.022.919	11.867.951.627
▪ Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	6.677.459.340	11.006.744.137
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	857.018.250	3.223.038.850
▪ Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Thăng Long	3.172.345.934	6.792.148.719
▪ Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	3.412.305.570	-
▪ Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	3.022.444.625	-
▪ Công ty Cổ phần Greating Fortune Container Việt Nam	2.313.688.745	-
▪ Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	2.126.370.777	1.883.584.627
▪ Công ty Cổ phần Vận tải biển Quốc tế VISC	1.821.499.680	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu	1.202.277.120	-
▪ Các nhà cung cấp khác	30.359.212.039	38.227.013.069
	62.612.059.106	204.302.875.593
Giá gốc và số có khả năng trả nợ		
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Người bán là các bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	6.202.335.381	15.850.750.680
▪ Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	61.078.726	132.363.000

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

13. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	45.117.515.749	112.620.831.375	(86.914.048.434)	70.824.298.690

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.892.954.643	109.554.501.318	(110.373.476.044)	1.073.979.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.768.213.812	69.438.195.679	(72.398.180.449)	13.808.229.042
Thuế thu nhập cá nhân	1.186.006.959	3.251.324.842	(4.042.625.428)	394.706.373
Các loại thuế khác	7.209.731.979	51.118.710.324	(54.490.037.510)	3.838.404.793
	27.056.907.393	233.362.732.163	(241.304.319.431)	19.115.320.125

14. Phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay	13.040.515.148	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	969.609.914	736.697.174
	14.010.125.062	736.697.174

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Kinh phí công đoàn	3.932.504.350	4.466.771.369
Cổ tức phải trả	708.937.025	618.280.425
Các khoản thu hộ hãng tàu	52.998.957.582	53.379.996.481
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.909.433.339	3.660.414.615
	60.549.832.296	62.125.462.890

16. Vay

Vay ngắn hạn

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động tăng trong năm VND	Biến động giảm trong năm VND	31/12/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả	7.012.140.000	59.643.320.000	(8.965.980.000)	57.689.480.000

Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay 1 (i)	USD	4%	2017	4.831.480.000	9.556.960.000
Khoản vay 2 (ii)	VND	7%	2019	7.856.500.000	10.000.000.000
Khoản vay 3 (iii)	VND	6,8%	2025	630.341.745.562	405.032.021.728
				643.029.725.562	424.588.981.728
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(57.689.480.000)	(7.012.140.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				585.340.245.562	417.576.841.728

(i) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 35.082 triệu VND (1/1/2016: 41.273 triệu VND). Khoản vay này có 4.831 triệu VND sẽ đến hạn trả trong vòng 12 tháng.

(ii) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao Xanh, một công ty con của Công ty, có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 13.187 triệu VND (1/1/2016: 6.951 triệu VND). Khoản vay này có 2.858 triệu VND sẽ đến hạn trả trong vòng 12 tháng.

(iii) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP có giá trị còn lại

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 851.990 triệu VND (1/1/2016: 578.603 triệu VND). Khoản vay này có 50.000 triệu VND sẽ đến hạn trả trong vòng 12 tháng.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	34.514.300.259	39.650.610.822
Trích lập trong năm	27.094.872.000	23.881.991.816
Sử dụng trong năm	(21.639.576.985)	(29.018.302.379)
Số dư cuối năm	39.969.595.274	34.514.300.259

18. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	345.415.410.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	435.340.718.031	250.789.157.324	157.500.000.000	1.215.880.558.885
Góp vốn	-	-	-	-	-	10.675.000.000	10.675.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	279.258.328.386	(2.568.881.030)	276.689.447.356
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	102.223.212.241	(102.223.212.241)	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	(1.090.013.529)	10.396.631.245	-	-	-	9.306.617.716
Phân bổ vào quỹ khuyến thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(23.881.991.816)	-	(23.881.991.816)
Cổ tức	68.745.010.000	-	-	-	(127.348.522.500)	-	(58.603.512.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.776.000.000)	-	(1.776.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	15.103.581	2.867.146.419	2.882.250.000
Số dư tại ngày 1/1/2016	414.160.420.000	36.141.891.246	-	537.563.930.272	274.832.862.734	168.473.265.389	1.431.172.369.641
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	251.282.298.636	10.716.031.313	261.998.329.949
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	61.031.189.600	(61.031.189.600)	-	-
Phân bổ vào quỹ KTPL	-	-	-	-	(27.094.872.000)	-	(27.094.872.000)
Cổ tức (Thuyết minh 0)	41.411.000.000	-	-	-	(128.384.184.000)	(2.303.000.000)	(89.276.184.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(2.709.000.000)	-	(2.709.000.000)
Ảnh hưởng của giao dịch chuyển nhượng vốn	-	-	-	-	(48.600.000.000)	(10.000.000.000)	(58.600.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	455.571.420.000	36.141.891.246	-	598.595.119.872	258.295.915.770	166.886.296.702	1.515.490.643.590

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000
Phát hành cổ phiếu trong năm để trả cổ tức (Thuyết minh 20)	4.141.100	41.411.000.000	6.874.501	68.745.010.000
Số dư cuối năm	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000

20. Cổ tức

Ngày 25 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2015 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 41.416 triệu VND.

Ngày 25 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần. Ngày 20 tháng 6 năm 2015, Công ty đã phát hành 4.141.100 cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Ngày 29 tháng 9 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2016 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 45.557 triệu VND.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	6.951.304.800	3.260.944.800
Trong vòng hai đến năm năm	16.734.139.200	13.043.779.200
Sau năm năm	26.336.376.612	29.606.255.507
	50.021.820.612	45.910.979.507

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.417.750	32.216.677.191	1.456.748	32.717.050.908

Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	8.511.036.000

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	13.218.127.135	10.409.790.478
Cổ tức	1.700.000.000	2.700.000.000
Lãi từ giao dịch chuyển nhượng các khoản đầu tư	5.000.000	32.649.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.532.416.497	1.317.659.282
	17.455.543.632	14.460.099.360

25. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	43.511.499.423	913.027.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá	301.151.715	746.089.477
	43.812.651.138	1.659.116.790

26. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	477.818.182	2.959.624.545
Thu nhập khác	358.841.074	1.600.205.046
	836.659.256	4.559.829.591

27. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý	8.011.317	2.228.008.495
Chi phí khác	255.896.199	315.910.069
	263.907.516	2.543.918.564

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	50.044.763.613	59.777.704.972
Chi phí nhân công	160.410.400.729	134.407.501.712
Chi phí khấu hao và phân bổ	177.443.635.734	89.728.845.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.741.872.212	257.881.657.303
Chi phí khác	83.209.542.724	64.757.210.567

29. Thuế thu nhập**Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	48.411.182.379	68.176.028.105
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	811.163.583	1.262.167.574

49.222.345.962 69.438.195.679

Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	311.220.675.911	346.127.643.035
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	62.244.135.182	76.148.081.468
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi	-	(3.936.293.674)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng tại các công ty con	(6.692.403.460)	(1.327.333.801)
Miễn thuế, giảm thuế	(6.669.830.319)	(3.045.971.846)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	983.070.084	1.107.749.215
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(1.453.789.108)	(2.803.000.085)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	2.032.796.828
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	811.163.583	1.262.167.574
	49.222.345.962	69.438.195.679

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế tại một số công ty con của Công ty bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con này có thể sử dụng các lợi ích thuế của lỗ tính thuế.

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm 2016 (năm 2015: 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động kinh doanh cầu cảng số 2 thuộc Xí nghiệp Cảng Viconship và 22% trên lợi nhuận tính thuế của các hoạt động khác).

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh (“GLC”) và Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“VGP”), hai công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2013 đến năm 2027 đối với GLC và từ năm 2016 đến năm 2030 đối với VGP), và được miễn thuế thu nhập trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2013 đến năm 2016 đối với GLC và từ năm 2016 đến năm 2019 đối với VGP) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Các công ty con còn lại có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi trong năm 2016 là 20% (2015: 22%).

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	251.282.298.636	279.258.328.386
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(25.000.000.000)	(27.094.872.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>226.282.298.636</u>	<u>252.163.456.386</u>

(*) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty ngày 25 tháng 3 năm 2016 phê duyệt mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015 với số tiền 27.094 triệu VND và dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2016, ước tính là 25.000 triệu VND.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016 VND	2015 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	41.416.042	34.541.541
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại ngày 5 tháng 7 năm 2014	4.141.100	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại ngày 9 tháng 6 năm 2015	-	6.874.501
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	<u>45.557.142</u>	<u>41.416.042</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(i) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2015, được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được tính toán dựa trên ước tính về số lợi nhuận sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Số ước tính này chênh lệch đáng kể so với số thực tế được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Ngoài ra, trong năm 2016, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 0). Do vậy, số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị thay đổi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	41.416.042	6.282
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận thuần vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 3(r))	-	(193)

Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu tại ngày 20 tháng 6 năm 2016	4.141.100	(554)
Số điều chỉnh lại	45.557.142	5.535

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai		
▪ Cung cấp dịch vụ	-	5.146.333.800
▪ Sử dụng dịch vụ	-	44.990.000
▪ Cổ tức	2.145.931.072	1.326.519.314
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ		
▪ Sử dụng dịch vụ	33.816.136.666	70.157.447.736
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng		
▪ Sử dụng dịch vụ	392.998.909	432.922.460
Thành viên Ban Giám đốc		
▪ Tiền lương và thưởng	2.596.895.444	2.358.546.699
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
▪ Thù lao	2.709.000.000	1.776.000.000

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2016 VND	2015 VND
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	41.411.000.000	68.745.010.000

33. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Theo Nghị quyết số 01.2017/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 1 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty sẽ góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và phát triển xanh, có địa chỉ tại Thành phố Hải Phòng, với vốn điều lệ 101 tỷ VND, trong đó Công ty sở hữu 66,33% vốn cổ phần.

Ngày 17 tháng 2 năm 2017

Người lập:

Người duyệt:

Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

* Báo cáo tài chính Công ty Mẹ năm 2016 đã kiểm toán được trình bày trên website của Công ty theo địa chỉ : www.viconship.com

□

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tiến